# User story

- Như một người dùng, tôi muốn có một hệ thống bán điện thoại trực tuyến để có thể dễ dàng tìm kiếm và mua được sản phẩm phù hợp với nhu cầu và ngân sách của mình.

- Những tính năng chính mà tôi mong muốn từ hệ thống bao gồm:

* Bộ sưu tập đa dạng và phong phú về các sản phẩm điện thoại từ nhiều thương hiệu và phân khúc giá khác nhau.
* Các tiện ích tìm kiếm và lọc sản phẩm dễ sử dụng, giúp tôi nhanh chóng tìm kiếm được sản phẩm phù hợp với nhu cầu và ngân sách của mình.
* Tính năng đánh giá, bình luận sản phẩm, giúp tôi có thể đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi quyết định mua hàng.
* Các ưu đãi và khuyến mãi hấp dẫn, giúp tôi tiết kiệm được chi phí mua hàng.
* Tính năng thanh toán đa dạng và an toàn, bao gồm nhiều phương thức thanh toán như thẻ tín dụng, ví điện tử, thanh toán khi nhận hàng.
* Tính năng giao hàng nhanh chóng, đảm bảo sản phẩm được vận chuyển đến địa chỉ của tôi đúng thời gian và đúng chất lượng.
* Dịch vụ hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp và thân thiện, giúp tôi giải đáp các thắc mắc và giải quyết các vấn đề nhanh chóng.

Với những tính năng trên, tôi tin rằng hệ thống bán điện thoại sẽ giúp tôi có được trải nghiệm mua hàng trực tuyến tuyệt vời và tiện lợi hơn bao giờ hết.

# Quản lý rủi ro

## Quá trình quản lý rủi ro trong khảo sát thực hiện dự án:

Đề xuất

Điều chỉnh

Thông tin mới

Phản hồi

Lựa chọn

Thực hiện

## Xác định rủi ro:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lĩnh vực xảy ra rủi ro | STT | Rủi ro |
| Lập kế hoạch dự án | 1 | Lập lịch trễ, không hợp lý |
| 2 | Các tài liệu dự án hoàn thành chậm |
| Chi phí dự án | 1 | Ước lượng chi phí không phù hợp với ngân sách |
| Xác định yêu cầu | 1 | Khách hàng thay đổi yêu cầu trong quá trình thực hiện dự án |
| 2 | Xung đột giữa khách hàng và đội phát triển dự án |
| 3 | Khách hàng đưa ra những yêu cầu phức tạp và quá khó cho đội dự án |
| Chất lượng dự án | 1 | Hệ thống không thực hiện đúng các chức năng mà khách hàng yêu cầu |
| 2 | Tốc độ sử lý dữ liệu chậm |
| Con người | 1 | Các thành viên lười làm việc, mâu thuẫn giữa các thành viên |
| 2 | Các thành viên trong đội bị bệnh,.. |
| 3 | Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của một số thành viên chưa ổn định |
| Tiến trình | 1 | Nhiều tính năng không cần thiết |
| 2 | Sản phẩm hoàng thành không đứng thời hạn |
| Cài đặt | 1 | Phần mềm không tương thích với hệ thống |
| 2 | Code chậm so với dự án |
| 3 | Code có vấn đề dẫn đến chỉnh sửa cài đặt lại nhiều lần |
| Công nghệ | 1 | Lựa chọn công nghệ mới không phù hợp |
| 2 | Công nghệ mới, các thành viên chưa quen sử dụng |
| Các lĩnh vực khác | 1 | Thiếu cơ sở vật chất |
| 2 | Tài nguyên dự án không có sẵn |

## Phân tích mức độ rủi ro:

Phân tích rủi ro, bao gồm:

* Xác định xác suất xảy ra rủi ro
* Xác định ảnh hưởng của rủi tới các mục tiêu của dự án
* Xác định độ nguy hiểm của rủi ro

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã rủi ro | Sự kiện rủi ro | Xác xuất rủi ro xuất hiện | Ảnh hưởng của rủi ra | Mức độ nghiêm trọng |
| 1 | Lập lịch trể không hợp lý | Trung bình | Rất cao | Rất cao |
| 2 | Hiểu chưa đầy đủ yêu cầu của khách hàng | Trung bình | Rất cao | Rất cao |
| 3 | Khách hàng thay đổi yêu cầu trong quá trình thực hiện dự án | Trung bình | Cao | Cao |
| 4 | Xung đột giữa khách hàng và đội phát triển dự án | Trung bình | Cao | Cao |
| 5 | Ước tính chi phí không phù hợp với ngân sách(thiếu hụt ngân sách) | Trung bình | Cao | Cao |
| 6 | Tốc độ sử lý dữ liệu chậm | Trung bình | Cao | Cao |
| 7 | Phần mềm không tương thích với hệ thống | Trung bình | Cao | Cao |
| 8 | Code có vấn đề dẫn đến phải chỉnh sửa cài đặt lại nhiều lần | Trung bình | Cao | Cao |
| 9 | Các thành viên trong đội dự án bị bệnh, … | Thấp | Cao | Trung bình |
| 10 | Code chậm hơn so với dự án | Trung bình | Trung bình | Cao |
| 11 | Mâu thuẫn giữa các thành viên trong đội dự án | Trung bình | Cao | Cao |
| 12 | Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của một số thành viên chưa ổn định | Trung bình | Cao | Cao |
| 13 | Lựa chọn công nghệ mới không phù hợp | Thấp | Cao | Cao |
| 14 | Nhiều tính năng không cần thiết | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 15 | Sản phẩm hoàn thành không đúng thời hạn | Trung bình | Cao | Cao |
| 16 | Thiếu cơ sở vật chất phục vụ cho dự án | Trung bình | Cao | Cao |
| 17 | Tài nguyên dự án không có sẵn | Thấp | Cao | Cao |
| 18 | Khách hàng đưa ra những yêu cầu phức tạp và quá khó cho đội dự án | Trung bình | Cao | Cao |
| 19 | Công nghệ mới, các thành viên trong chưa quen sử dụng | Thấp | Thấp | Trung bình |

## Kế hoạch phòng ngừa rủi ro:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã rủi ro | Chiến lượt giảm nhẹ | Công việc cần làm | Trạng thái thực hiện |
| 1 | Tránh phát triển các dự án gây rủi ro | Phân chia công việc, yêu cầu làm đúng tiến độ | Đã thực hiện |
| 2 | Làm giảm xác suất | Thống nhất với khách ngay từ ban đầu | Đã thực hiện |
| 3 | Làm giảm xác suất | Quan tâm với khách hàng | Đang thực hiện |
| 4 | Tránh xảy ra rỉu ro | Cần điều phối quan hệ giữa khách hàng và nhóm dự án | Đang thực hiện |
| 5 | Làm giảm xác suất | Sử dụng hợp lý các phương pháp ước lượng | Đã thực hiện |
| 6 | Làm giảm xác suất | Thực hiện tốt quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm | Chưa thực hiện |
| 7 | Làm giảm xác suất | Thực hiện tốt qúa trình kiểm tra chất lượng, đảm bảo sản phẩm chạy tốt trên các hệ điều hành khác nhau | Chưa thực hiện |
| 8 | Tránh xảy ra rủi ro | Kiểm tra code trong qua trình coding | Chưa thực hiện |
| 9 | Bổ sung thành viên | Thêm thành viên mới | Chưa thực hiện |
| 10 | Làm giảm xác suất | Thực hiện đúng tiến độ dự án | Chưa thực hiện |
| 11 | Tránh xảy ra rủi ro | Tạo không khí thân thiện, cởi mở trong quá trình làm việc | Đang thực hiện |
| 12 | Làm giảm xác suất | Các thành viên trong đội dự án cần thực hiện công việc theo trình độ chuyên môn nhất định | Đã thực hiện |
| 13 | Tránh xảy ra rủi ro | Cần lựa chọn công nghệ một cách cẩn thận | Đang thực hiện |
| 14 | Làm giảm xác suất | Xác định rõ các chức năng cần thiết của hệ thống | Đã thực hiện |
| 15 | Tránh xảy ra rủi ro | Phân chia giai đoạn hợp lý, yêu cầu đội dự án hoàn thành công việc đúng thời hạn | Chưa thực hiện |
| 16 | Chuyển dự án cho một tổ chức khác | Cơ sỏ vật chất được tài trợ bởi tổ chức khác | Chưa thực hiện |
| 17 | Thiết lập tài nguyên dự án | Thêm tài nguyên dự án cần thiết dự án | Đang thực hiện |
| 18 | Làm giảm xác suất | Thống nhất với khách hàng | Đã thực hiện |
| 19 | Tránh xảy ra rủi ro | Tìm hiểu công nghệ mới cần phổ biến cho các thành viên đều có thể sử dụng | Đang thực hiện |

# Xác định chi phí dự án

Lương thành viên được tính theo đơn vị ngày với thời lượng 8h/ngày

- Product Owner có mức lương cao hơn các thành viên trong nhóm

- Năng lực thành viên trong nhóm có thể khác nhau nhưng do quy mô dự án khá là nhỏ và trong quá trình làm việc các thành viên sẽ giúp đỡ nhau để hoàn thành công việc nên mức lương của các thành viên trong nhóm là như nhau ngoại trừ giám đốc dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Vị trí** | **Lương (VND/ngày)** |
| **1** | Nguyễn Văn Đức Tính | Product Owner / Dev / Tester | 300.000đ |
| **2** | Phạm Lê Anh Tú | ScrumMaster / Dev | 200.000đ |
| **3** | Trần Văn Đạt | Team Lead / Dev | 200.000đ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã WBS** | **Giai đoạn** | **Tên công**  **việc** | | **EST cuối**  **cùng** | **Số người**  **tham gia** | | **Tiền lương** |
| **Quản lý dự án** | **Thành viên** |
| **1.0** | **1** | **Khảo sát** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Gặp khách hàng |  | **1** | **1** |  |
|  |  | 2 | Xắc định yêu cầu |  | **1** | **2** |  |
|  |  | 3 | Kiểm tra yêu cầu |  | **1** | **2** |  |
|  |  | 4 | Báo cáo |  | **1** | **2** |  |
| **2.0** |  | **Giai đoạn phân tích** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Tổng hợp yêu cầu |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 2 | Lập bảng chi tiết công việc |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 3 | Lập kế hoạch thực hiện |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 4 | Phân rã công việc |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 5 | Báo cáo |  |  |  |  |
| **3.0** |  | **Giai đoạn thiết kế** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Thiết kế phần mềm |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 2 | Báo cáo |  | **1** | **3** |  |
| **4.0** |  | **Giai đoạn xậy dựng** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Xậy dựng cơ sở dữ liệu |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 2 | Xây dựng các chức năng  phần mềm |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 3 | Báo cáo |  | **1** | **3** |  |
| **5.0** |  | **Giai đoạn chạy thử** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Kiểm tra |  | **1** | **2** |  |
|  |  | 2 | Sửa lỗi phát sinh |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 3 | Cập nhập lại phần mềm |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 4 | Báo cáo |  | **1** | **2** |  |
| **6.0** |  | **Giai đoạn kiểm thử** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Kiểm tra module |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 2 | Kiểm tra tích hợp |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 3 | Đưa vào hoạt động |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 4 | Báo cáo |  | **1** | **2** |  |
| **7.0** |  | **Giai đoạn chuyển giao** | |  |  |  |  |
|  |  | 1 | Viết tài liệu hướng dẫn |  | **1** | **3** |  |
|  |  | 2 | Bàn giao sản phẩm |  | **1** | **1** |  |
|  |  | 3 | Đào tạo sử dụng |  | **1** | **0** |  |
|  |  | 4 | Xin xác nhận, chứ ký bên  khách hàng |  | **1** | **0** |  |
|  |  | 5 | Báo cáo kết thúc |  |  | **4** |  |
| **Tổng chi phí** | | | | | | |  |

## Tổng chi phí cho dự án

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **c** | **Các hạng mục** | **Thành tiền** |
| 1 | Chi phí nguyên vật liệu |  |
| 2 | Chi phí cơ sở vật chất |  |
| 3 | Chi phí trả lương cho các thành viên dự án |  |
| 4 | Chi phí phát sinh khác |  |
| **Tổng cộng** | |  |